

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

Nam Đông, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm: 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bê - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Thôn A, xã HH, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Hồng Minh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 19/UQ-NHCS, ngày 07/01/2021); Địa chỉ Phòng giao dịch tại huyện NĐ: Tổ dân phố A, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Phạm Thị Trang Tr, sinh ngày 05/6/2014 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của anh Phạm Văn S là bà Trương Thị Hồng Nhạn - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S đã tự nguyện thỏa thuận với nhau là giao cháu Phạm Thị Trang Tr, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2014 cho anh Phạm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S đã thỏa thuận: Chị Trần Thị C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Phạm Thị Trang Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, chị Trần Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Phạm Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị C chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng chị C còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: Đại diện Ngân hàng A, Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận: Tính từ ngày 18/02/2022 chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S có nợ Ngân hàng A, Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 230.000 đồng. Anh Phạm Văn S nhận là người có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng A, Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 230.000 đồng; và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/02/2022 trở về sau cho đến khi thanh toán hết số nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn S đã tự nguyện thỏa thuận với nhau là chị C phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng số tiền án

phí sơ thẩm chi C phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà chi C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002567 ngày 30/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chi Trần Thị C và anh Phạm Văn S không phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Hữu, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế; (Đăng ký kết hôn ngày 25/10/2013)
- Đương sự;_
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Hồ Minh Thước